

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2025

*“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Quảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Công Chự
2. Ông Lê Công Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2025 về việc *“Ly hôn, trA chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Liêu Thị X**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông **Lương Đức A**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Liêu Thị X trình bày:*

Nguyên đơn bà Liêu Thị X trình bày: Về hôn nhân, bà X và ông Lương Đức A là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ 2018 cho đến nay. Nay bà X thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông A. Bà X không yêu cầu tiếp tục hòa giải đoàn tụ và yêu cầu đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung, bà X và ông A có 02 (hai) con chung là Lương Thị Bích H, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Tiến T, sinh ngày 29/3/2014. Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu tòa án giải quyết

*Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Lương Đức A trình bày:*

Ông Lương Đức A và bà Liêu Thị X là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân do mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay bà X yêu cầu ly hôn, ông A đồng ý.

Về con chung: Ông Lương Đức A và bà Liêu Thị X có 02 (hai) con chung là Lương Thị Bích Huệ, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Tiến Thời, sinh ngày 29/3/2014. Bà X yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông A đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lương Đức A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Lương Đức A, yêu cầu nuôi con chung là Lương Thị Bích H, sinh năm 2007 và Lương Tiến T, sinh năm 2014, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đồng ý yêu cầu ly hôn của bà X, đồng ý để bà X trực tiếp nuôi hai con chung, ông A không cấp dưỡng nuôi con. Ông A không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Liêu Thị X đối với ông Lương Đức A.

+ Về con chung: Giao con chung là Lương Thị Bích H, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Tiến T, sinh ngày 29/3/2014 cho bà Liêu Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao; giấy xác nhận thông tin về cư trú; Các bản tự khai của đương sự; Biên bản ghi lời khai của con chung; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Liêu Thị X yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với ông Lương Đức A. Đơn khởi kiện của bà Liêu Thị X phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lương Đức A cư trú tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Liêu Thị X và ông Lương Đức A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Lâu năm 2008, ông Lương Đức A và bà Liêu Thị X kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông Lương Đức A và bà Liêu Thị X chung sống hạnh phúc một thời gian thì ông Lương Đức A và bà Liêu Thị X phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2016 đến nay ông A và bà X đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông A không tham gia và có văn bản đồng ý yêu cầu ly hôn của bà X. Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông Lương Đức A và bà Liêu Thị X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Liêu Thị X.

[3] Về con chung: Bà Liêu Thị X và ông Lương Đức A có 02 (hai) con chung là Lương Thị Bích H, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Tiến T, sinh ngày 29/3/2014. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên, bà Liêu Thị X yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, ông Lương Đức A đồng ý với yêu cầu của bà X và hai con chung có nguyện vọng được ở với bà Liêu Thị X. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn giao con chung là Lương Thị Bích H, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Tiến T, sinh ngày 29/3/2014 cho nguyên đơn chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Liêu Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn,  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêu Thị X được ly hôn với ông Lương Đức A

2. Về con chung:

Giao con chung là Lương Thị Bích H, sinh ngày 20/9/2007 và Lương Tiến T, sinh ngày 29/3/2014 cho bà Liêu Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc bà Liêu Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0007276 ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà Liêu Thị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Liêu Thị X và ông Lương Đức A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Lâu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Văn Quảng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Hùng    Trương Công Chự**

**Võ Văn Quảng**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Lâu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Văn Quảng**